

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày 09 - 9 - 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS ngày 14/7/2021 và 14/2021/QĐST-DS ngày 13/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N; địa chỉ: C, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quốc T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Công ty TNHH MTV Q – Ngân hàng TMCP N (công ty A); địa chỉ: H, phường N, quận M, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 856/2020/UQQT – NGNA ngày 30/10/2020).

- Ông Hoàng Trọng Tr – chức vụ: Tổng giám đốc công ty kiêm Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, công ty A; địa chỉ: S, N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định – vắng mặt.

- Ông Vũ Văn L – chức vụ: chuyên viên xử lý nợ, công ty A; địa chỉ: S, N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định – có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thúy O; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N trình bày:

Ông Trần Văn L – bà Vui Nữ Thùy O đã ký kết Hợp các đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đắk Lắk để vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần N – Chi nhánh Đắk Lắk cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 0461/2017/502-CV ngày 04/04/2017, Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0461/2017/502-CV ngày 13/04/2017 vay số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*); mục đích sử dụng: Đầu tư các khoản mục phục vụ sản xuất nông nghiệp (Chăn nuôi dê, chăm sóc cây cà phê, tiêu, trồng mới tiêu, bơ,...); lãi suất: 10.7%/năm; lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả lãi: 10%/năm; thời hạn vay: 48 tháng (Từ ngày 13/04/2017 đến ngày 13/04/2021).

Quá trình vay vốn ông L, bà O đã trả được 01 phần nợ gốc và lãi. Dư nợ của khoản vay này tính đến ngày 09/9/2021 là 431.749.562 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 309.750.000 đồng; lãi trong hạn từ ngày 13/04/2017 đến ngày 13/04/2021: 68.170.485 đồng; lãi chậm trả lãi tính đến ngày 09/9/2021: 8.646.066 đồng; lãi quá hạn từ ngày 14/4/2020 đến ngày 09/9/2021: 45.183.011 đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0460/2017/502-CV ngày 04/04/2017, Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung số 01/SĐ-0460/2017/502-CV ngày 17/04/2019, Giấy nhận nợ số: 02/GNN-0460/2017/502-CV ngày 17/04/2019; vay số tiền: 850.000.000 đồng (*Tám trăm năm mươi triệu đồng*); mục đích sử dụng: bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp (Chăm sóc cà phê, tiêu, bơ, tiêu, trồng sầu riêng, mua sắm công cụ sản xuất nông nghiệp,...); lãi suất: 11%/năm; lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả lãi: 10%/năm; thời hạn vay: 12 tháng (Từ ngày 17/04/2019 đến ngày 17/04/2020).

Quá trình vay vốn ông L, bà O đã trả được 01 phần nợ gốc và lãi. Dư nợ của khoản vay này tính đến ngày 09/9/2021 là 1.170.022.446 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 850.000.000 đồng, lãi trong hạn từ ngày 17/04/2019 đến ngày 17/04/2020: 97.597.466 đồng; lãi chậm trả lãi tính đến ngày 09/9/2021: 16.040.940 đồng; lãi quá hạn từ ngày 18/4/2020 đến ngày 09/9/2021: 206.384.040 đồng.

Tổng dư nợ của các khoản vay nêu trên tính đến ngày 09/9/2021 là 1.601.772.008 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 0355/2017/502-BĐ ngày 04/04/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N với ông Trần Văn L - bà Vui Nữ Thùy O, bao gồm:

- Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 28, diện tích 10370 m²; địa chỉ thửa đất: xã Đắk Búk So, huyện T, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 965360 được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức cấp ngày 11/02/2015.

- Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 28, diện tích 10221 m²; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã Đắk Búk So, huyện T, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 965362 được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức cấp ngày 11/02/2015.

- Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 33, diện tích 334.9 m²; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã Đăk Búk So, huyện T, tỉnh Đăk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BX 965361, số vào sổ cấp GCN: CH04365 được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức cấp ngày 11/02/2015;

Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 33, diện tích 2365 m²; địa chỉ thửa đất: Thôn H, xã Đăk Búk So, huyện T, tỉnh Đăk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 965363 được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức cấp ngày 11/02/2015;

Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 9, diện tích 8883.9 m²; địa chỉ thửa đất: Thôn 9, xã Đăk Búk So, huyện T, tỉnh Đăk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 935244 được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức cấp ngày 02/02/2016.

Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 9, diện tích 9304.1 m²; địa chỉ thửa đất: thôn 9, xã Đăk Búk So, huyện T, tỉnh Đăk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 935243 được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Đức cấp ngày 02/02/2016.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông L, bà O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh; mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông L, bà O trả nợ, nhưng ông L, bà O vẫn không thực hiện; bất hợp tác, tìm cách lẩn tránh và không thiện chí giải quyết nợ vay với Ngân hàng. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng Thương mại cổ phần N của ông L, bà O đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần N. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trần Văn L, bà Vui Nữ Thùy O có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N toàn bộ số nợ gốc, lãi vay và phạt chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký, tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2021 là 1.601.772.008 đồng.

Thanh toán lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông L, bà O vẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản đã ký thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản khác của ông L, bà O cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản.

Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính Công an xã Đ xác định: Ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O chưa chuyển hộ khẩu đi đâu nhưng hiện nay

không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O nhưng ông L, bà O vắng mặt, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án. Do đó, Tòa án huyện T giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án: Ngày 02/7/2021, ông L, bà O đã trả số tiền 35.160.000 đồng tiền gốc của khoản vay 850.000.000 đồng; do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần N rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 35.160.000 đồng; yêu cầu ông L, bà O phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/9/2021 là 1.566.612.008 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

- Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập nhiều lần nhưng không hợp tác; tại phiên tòa vẫn vắng mặt không do đó chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Ngày 04/4/2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần N cho ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O vay tổng số tiền 1.350.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O chỉ trả được 01 phần nợ gốc và lãi; số nợ gốc và lãi còn lại, ông L, bà O không trả như cam kết theo Hợp đồng tín dụng 0461/2017/502-CV và 0460/2017/502-CV, tính đến ngày 09/9/2021, ông L, bà O còn nợ các khoản sau:

- Tiền nợ của khoản vay theo hợp đồng 0461/2017/502-CV tính đến ngày 09/9/2021 là 431.749.562 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 309.750.000 đồng; lãi trong hạn từ ngày 13/04/2017 đến ngày 13/04/2021: 68.170.485 đồng; lãi chậm trả lãi tính đến ngày 09/9/2021: 8.646.066 đồng; lãi quá hạn từ ngày 14/4/2020 đến ngày 09/9/2021: 45.183.011 đồng.

- Tiền nợ của khoản vay theo hợp đồng 0460/2017/502-CV đến ngày 09/9/2021 là 1.134.862,446 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 814.840.000 đồng, lãi trong hạn từ ngày 17/04/2019 đến ngày 17/04/2020: 97.597.466 đồng; lãi chậm trả lãi tính đến ngày 09/9/2021: 16.040.940 đồng; lãi quá hạn từ ngày 18/4/2020 đến ngày 09/9/2021: 206.384.040 đồng.

Tổng cộng: 1.601.772.008 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 35.160.000 đồng; yêu cầu ông L, bà O phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/9/2021 là 1.566.612.008 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 299, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền 1.566.612.008 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu ông L, bà O phải trả số tiền gốc 35.160.000 đồng tiền gốc của khoản vay 850.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng 0460/2017/502-CV.

Trường hợp ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O không thanh toán nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T phát mãi tài sản đảm bảo. Ông L, bà O tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và chịu 58.998.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N 27.295.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001344 ngày 14/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O phải trả tổng số tiền 1.601.772.008 đồng, do ông L, bà O vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Hợp đồng tín dụng số 0461/2017/502-CV và 0460/2017/502-CV mà ông L, bà O đã ký kết với Ngân hàng, đây là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi ký kết hợp đồng tín dụng, ông L, bà O có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: ông L, bà O chưa chuyển hộ khẩu đi đâu, hiện nay không có mặt tại địa phương; Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn ông L, bà O không đến Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức làm việc; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông L, bà O theo thủ tục chung và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bị đơn ông L, bà O không hợp tác, vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến đối với nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ông L, bà O đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Ngày 04/4/2017, ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O ký kết hợp đồng tín dụng số 0461/2017/502-CV với Ngân hàng Thương mại cổ phần N vay số tiền 500.000.000 đồng; mục đích sử dụng: Đầu tư các khoản mục phục vụ sản xuất nông nghiệp (Chăn nuôi dê, chăm sóc cây cà phê, tiêu, trồng mới tiêu, bơ,...) lãi suất: 10.7%/năm; lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả lãi: 10%/năm; thời hạn vay: 48 tháng (từ ngày 13/04/2017 đến ngày 13/04/2021).

Cùng ngày 04/4/2017, ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 0460/2017/502-CV với Ngân hàng Thương mại cổ phần N vay số tiền 850.000.000 đồng; mục đích sử dụng: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp (Chăm sóc cà phê, tiêu, bơ, tiêu, trồng sầu riêng, mua sắm công cụ sản xuất nông nghiệp,...) lãi suất: 11%/năm; lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả lãi: 10%/năm; thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 17/04/2019 đến ngày 17/04/2020).

Xét thấy, hợp đồng được ký kết giữa ông L, bà O và Ngân hàng Thương mại cổ phần N là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ các quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 12 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O không trả nợ như cam kết theo Hợp đồng tín dụng 0461/2017/502-CV và 0460/2017/502-CV chỉ trả được một phần nợ gốc và lãi.

Đối với số tiền nợ gốc: Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông L, bà O còn nợ số tiền gốc là 309.750.000 đồng và 814.840.000 đồng, Ngân hàng đã yêu cầu nhưng ông L, bà O vẫn không trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo **Hợp đồng tín dụng số** 0461/2017/502-CV và 0460/2017/502-CV, vi phạm Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N, buộc ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O phải trả số tiền gốc là 309.750.000 đồng và 814.840.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi trên tiền nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả lãi: Theo hợp đồng tín dụng số 0461/2017/502-CV và 0460/2017/502-CV có quy định lãi trong hạn; lãi suất áp dụng với dư nợ gốc quá hạn là 150%/năm, lãi chậm trả lãi là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tính đến ngày 09/9/2021, ông L, bà O còn phải trả tiền lãi như sau:

- Tiền lãi của khoản vay theo hợp đồng 0461/2017/502-CV, bao gồm: lãi trong hạn từ ngày 13/04/2017 đến ngày 13/04/2021: 68.170.485 đồng; lãi chậm trả

lãi tính đến ngày 09/9/2021: 8.646.066 đồng; lãi quá hạn từ ngày 14/4/2020 đến ngày 09/9/2021: 45.183.011 đồng.

- Tiền lãi của khoản vay theo hợp đồng 0460/2017/502-CV, bao gồm: lãi trong hạn từ ngày 17/04/2019 đến ngày 17/04/2020: 97.597.466 đồng; lãi chậm trả lãi tính đến ngày 09/9/2021: 16.040.940 đồng; lãi quá hạn từ ngày 18/4/2020 đến ngày 09/9/2021: 206.384.040 đồng.

Tổng số tiền ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N là 1.566.612.008 đồng. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[3.2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 35.160.000 đồng tiền gốc của khoản vay 850.000.000 đồng; không đề nghị Tòa án giải quyết nên cần đình chỉ đối với yêu cầu trên theo quy định khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[3.3]. Trường hợp ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý đối với tài sản mà ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O đã thế chấp hợp pháp để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N theo quy định tại Luật thi hành án dân sự. Trường hợp khi đã xử lý hết tài sản, số tiền thu được không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N được chấp nhận nên ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 58.998.000 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N 27.295.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001344 ngày 14/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 12 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 301, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N đối với ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O.

Buộc ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N tổng số tiền 1.566.612.008 đồng (*một tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm mười hai nghìn không trăm lẻ tám đồng*), trong đó:

- Tiền nợ của khoản vay theo hợp đồng 0461/2017/502-CV tính đến ngày 09/9/2021 là 431.749.562 đồng. Bao gồm: Nợ gốc: 309.750.000 đồng; lãi trong hạn từ ngày 13/04/2017 đến ngày 13/04/2021: 68.170.485 đồng; lãi chậm trả lãi tính đến ngày 09/9/2021: 8.646.066 đồng; lãi quá hạn từ ngày 14/4/2020 đến ngày 09/9/2021: 45.183.011 đồng.

- Tiền nợ của khoản vay theo hợp đồng 0460/2017/502-CV đến ngày 09/9/2021 là 1.134.862,446 đồng. Bao gồm: Nợ gốc: 814.840.000 đồng, lãi trong hạn từ ngày 17/04/2019 đến ngày 17/04/2020: 97.597.466 đồng; lãi chậm trả lãi tính đến ngày 09/9/2021: 16.040.940 đồng; lãi quá hạn từ ngày 18/4/2020 đến ngày 09/9/2021: 206.384.040 đồng

Kể từ ngày 10/9/2021, ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 35.160.000 đồng tiền gốc của khoản vay 850.000.000 đồng theo hợp đồng 0460/2017/502-CV.

2. Trường hợp ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý đối với tài sản thuộc sở hữu hợp pháp ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O để trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N theo quy định tại Luật thi hành án dân sự. Trường hợp khi đã xử lý hết tài sản, số tiền thu được không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O phải tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn L và bà Vui Nữ Thùy O phải nộp 58.998.000 đồng (*năm mươi tám triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N 27.295.000 đồng (*hai mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi lăm triệu*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001344 ngày 14/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt

tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Quang Trung